

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu
Vực 7 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang: Ông Phạm
Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An
Giang (Cơ sở 02) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-DS,
ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST - DS, ngày 21 tháng 5
năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2025/QĐST - DS ngày 11 tháng
6 năm 2025, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2025/TB-TĐTGMPT
ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A)

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng
Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải D – Chức vụ: Giám đốc
Ngân hàng N – Chi nhánh A1 – PGD Thứ 7. (Có mặt)

(Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 66/QĐ-NHNo.AMi-KTNQ ngày 04/3/2025 của Chi nhánh H.A1)

Địa chỉ: Tổ A, ấp G X, xã Đ, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp H X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Nay là ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1988 (Vợ ông T) (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp H X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Nay là ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn ông Nguyễn Hải Đ trình bày:

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị B và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện A1 (Chi nhánh A1) thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 7710-LAV-202303728 để vay số tiền 600.000.000đ, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ thủy sản, vay trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 13/12/2023 đến ngày 10/12/2024, thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ.

Để đảm bảo nợ vay, **ngày 12/12/2023**, ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị B và Ngân hàng N ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7710-LCL-202302428 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 607827, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 13 với diện tích 20.725,5m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 07/7/2016 cho ông Võ Quốc T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông T, bà B nhưng vợ chồng ông bà cố tình tránh mặt, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N Chi nhánh A1 yêu cầu buộc ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 667.391.039 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 67.391.039 đồng.

Ngoài ra ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N Chi nhánh A1 tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số số 7710-LAV-202303728 ký kết ngày 13/12/2023 từ ngày 25/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Nguyên đơn giữ vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, 288, 299, 317, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 91, 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Chi nhánh A1. Buộc ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B trả Ngân hàng N Chi nhánh A1 số tiền vay còn nợ tính đến ngày 24/7/2025 là 667.391.039 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi 67.391.039 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông T và bà B không trả nợ, Ngân hàng N Chi nhánh A1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Quốc T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có hộ khẩu thường trú tại ấp H X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là ấp H X, xã Đ, tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - An Giang.

Đối với ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt theo quy định nhưng ông T và bà B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà B.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng N Chi nhánh A1 yêu cầu ông Võ Quốc T và bà

Nguyễn Thị B trả số tiền nợ vay với tổng số tiền 667.391.039 đồng. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 13/12/2023 ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số 7710-LAV-202303728 với Ngân hàng N Chi nhánh A1 để vay tổng số tiền là 600.000.000đ, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ thủy sản, vay trong thời gian 12 tháng kể từ ngày 13/12/2023 đến ngày 10/12/2024, thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ, thời hạn vay là 06 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/12/2024, lãi suất trong hạn là 9,5%, lãi suất quá hạn bằng 13,5%/năm, lãi chậm trả là 10%/năm, trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N Chi nhánh A1 đã thực hiện việc giải ngân và ông T, bà B đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy Hợp đồng tín dụng số 7710-LAV-202303728 ngày 13/12/2023 có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý, buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T, bà B đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Cụ thể từ ngày 05/9/2024, ông T bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, hạn trả gốc cuối cùng là ngày 05/12/2024, Ngân hàng đã ban hành nhiều thông báo đòi nợ gửi đến vợ chồng ông T, bà B, cụ thể thông báo vào các ngày 06/9/2024, ngày 16/9/2024, ngày 05/10/2024, ngày 25/10/2024 và ngày 21/11/2024 nhưng đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử ngày 24/7/2025 ông T, bà B vẫn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

[3.2] Về lãi suất cho vay: Lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7710-LAV-202303728 ngày 13/12/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng N Chi nhánh A1 được chấp nhận.

[3.3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Trong hợp đồng vay, ông T và bà B có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 607827, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 13 với diện tích 20.725,5m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 07/7/2016 cho ông Võ Quốc T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7710-LCL-202302428 ngày 12/12/2023 tại Phòng C tỉnh Kiên Giang. Nội dung, hình thức

Hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Cho nên, trong trường hợp ông T và bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Ngân hàng N Chi nhánh A1 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định Điều 299 Bộ luật dân sự.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng N Chi nhánh A1: Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7710-LCL-202302428 ngày 12/12/2023, ông T, bà B và Ngân hàng N Chi nhánh A1 thống nhất thỏa thuận, ông T, bà B dùng tài sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 607827, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 13 với diện tích 20.725,5m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 07/7/2016 cho ông Võ Quốc T. Nội dung, hình thức Hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Cho nên, trong trường hợp ông T, bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Ngân hàng N Chi nhánh A1 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định Điều 299 Bộ luật dân sự.

Do đó xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số số 7710-LAV-202303728 ngày 13/12/2023 với số tiền 667.391.039 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 67.391.039 đồng.

Ngân hàng N Chi nhánh A1 yêu cầu ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B trả cho Ngân hàng tính đến ngày 24/7/2025 là 667.391.039 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 67.391.039 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 667.391.039 đồng là 30.695.000đ. Buộc ông T và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N Chi nhánh A1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 344, Điều 345, Điều 385, Điều 386, Điều 463; 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27; khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Chi nhánh A1 về việc yêu cầu ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B trả số tiền vay.

Buộc ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho Ngân hàng N Chi nhánh A1 số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2025 với số tiền 667.391.039 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 67.391.039 đồng.

Ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B còn chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7710-LAV-202303728 ngày 13/12/2023, kể từ ngày 25/7/2025 cho đến khi ông T và bà B thanh toán xong hết các khoản tiền cho Ngân hàng N Chi nhánh A1.

2. Khi ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng N Chi nhánh A1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T và bà B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 607827, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 13 với diện tích 20.725,5m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 07/7/2016 cho ông Võ Quốc T.

- Trường hợp ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì tài sản là quyền sử dụng đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 607827, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 13 với diện tích 20.725,5m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 07/7/2016 cho ông Võ Quốc T sẽ được tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng N Chi nhánh A1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Quốc T và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 30.695.641 đồng (làm tròn 30.695.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*)).

Hoàn trả cho Ngân hàng N Chi nhánh A1 số tiền tạm ứng án phí là 14.501.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm linh một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005332, ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn